TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIÊN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 99/2023/HNGĐ - ST
Ngày 26/9/2023
V/v: "tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dương.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nông Trung Kiên
Bà Nguyễn Thị Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 về việc: tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân M, sinh năm 1981
Nơi cư trú: Thôn H, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1982.
Nơi cư trú: Thôn H, xã Th, huyện Đi, tỉnh Điện Biên.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/6/2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Nguyễn Xuân M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân M và chị Nguyễn Thị Phương Th kết hôn với nhau vào ngày 30/10/2000, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Anh M và chị Th kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Quá trình chung sống đến tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã được hai bên

gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không được giải quyết và ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay không còn đi lại và quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm giữa anh và chị Th không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương Th.

Về con chung: Anh M khai, anh và chị Th có 02 con chung là Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 19/9/2001 và cháu Nguyễn Duy Th1 sinh ngày 19/9/2005. Quan điểm của anh M, đến ngày xét xử, cả hai con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản:

Tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, đất: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thụ lý vụ án và tống đạt thông báo thụ lý, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của anh M cho chị Th biết để chị Th thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng chị Th không gửi ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, anh M vẫn giữ nguyên quan điểm theo nội dung đơn khởi kiện, xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Anh Nguyễn Xuân M yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Phương Th. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Chị Th cư trú tại Thôn Hoàng Công Chất, xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, Tòa án mở phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng chị Th vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, Tòa án mở phiên tòa, chị Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Th.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Xuân M và chị Nguyễn Thị Phương Th kết hôn vào ngày 30/10/2000, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Anh M và chị Th kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị Th là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh M khai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã được gia đình hoà giải nhiều nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của anh M cho chị Th biết để chị Th thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng chị Th không gửi ý kiến bằng văn bản đến Tòa án. thể hiện chị Th không có thiện trí hoà giải. Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của chính quyền địa phương do anh M cung cấp có thể hiện, anh chị chung sống với nhau có nhiều mâu thuẫn và đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn giữa anh M và chị Th là có thật, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh M.

[2.2]. Về con chung: Anh M khai, anh và chị Th có 02 con chung là Nguyễn Xuân Th2, sinh ngày 19/9/2001 và cháu Nguyễn Duy Th1 sinh ngày 19/9/2005. Quan điểm của anh M, đến ngày xét xử, cả hai con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3]. Về quan hệ tài sản:

Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, đất: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân M được ly hôn chị Nguyễn Thị Phương Th.

2. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án quyết

3. Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng: Không yêu cầu Tòa án quyết

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Xuân M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005260 ngày 06/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên. Anh M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Anh Nguyễn Xuân M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/9/2023). Chị Nguyễn Thị Phương Th vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Dương